TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng

Ông Nguyễn Văn Hướng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Tầng D, số E đường X, quận W, thành phố Đ, Đài Loan. CCCD số: 040176031529 (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1998. Thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

CCCD số: 040198018605 (Vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Xuân M, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

CCCD số: 040072021299 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Xuân M lấy nhau có đăng đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An) ngày 05/ 7/ 1995 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung do tính tình, quan điểm sống không hợp, tháng 11/2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuộc sống xa cách tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần

không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn thương yêu anh M nữa và xin được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Trần Xuân H1, sinh ngày 15/5/1994 và Trần Xuân H2, sinh ngày 11/9/2001. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, muốn ở với ai do con tự quyết định.

Tài sản chung, riêng và nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Trần Xuân M trình bày: Anh và chị Trần Thị Hoa đăng K kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An) ngày 05/7/1995 trên cơ sở tự nguyện. Tháng 11/2018 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cuộc sống xa cách tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H không còn tình cảm với anh nữa và xin được ly hôn, anh cũng nhất trí.

Vợ chồng có 02 con chung họ tên ngày tháng năm sinh như chị H trình bày nói trên. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, muốn ở với ai do con tự quyết định.

Tài sản chung, riêng và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53, 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M là vợ chồng.

Các con chung Trần Xuân H1, sinh ngày 15/5/1994 và Trần Xuân H2, sinh ngày 11/9/2001 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên muốn ở với ai do con tự quyết định.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị H với bị đơn anh Trần Xuân M. Bị đơn anh Trần Xuân M có hộ khẩu thường trú tại Thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An

thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Trần Xuân M, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh V mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên toà mà tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điều Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xem xét đơn xin ly hôn, lời trình bày thừa nhận của chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M, có căn cứ xác định chị H và anh M được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện. Chị H và anh M trình bày có đăng ký kết hôn ngày 05/7/1995 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An) nhưng xem xét giấy chứng nhận kết hôn do chị H xuất trình có tại hồ sơ không có dấu xác nhận và phản ánh sổ lưu của UBND xã Q (nay là UBND xã Q). Kết quả xác minh tại hộ tịch UBND xã Q có thông tin đăng ký kết hôn của chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M. Như vậy có căn cứ xác định chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung đã phát sinh mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị H làm đơn xin ly hôn, nghĩ nên căn cứ điều 9, điều 53 luật hôn nhân gia đình, không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M là vợ chồng như quan điểm kiểm sát viên đã đề nghị là có căn cứ.

[4] Về con: Các con chung của chị H anh M nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành, muốn ở với ai do con tự quyết định.

[5] Tài sản chung, riêng và nợ: Chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 9, điều 51, Điều 53, điều 122, điều 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M là vợ chồng.

Về con: Các con chung Trần Xuân H1, sinh ngày 15/5/1994 và Trần Xuân H2, sinh ngày 11/9/2001 nay đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành muốn ở với ai do con tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị H và anh Trần Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002398 ngày 07/04/2026.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Quang Tình

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 4
- THADS tỉnh Nghệ an
- UBND (nơi thực hiện việc ĐKKH)
- Lưu HS, VP.